

Cẩm nang hướng dẫn sinh hoạt ở thành phố Nagahama

【Tiếng Việt】 2 0 2 5

ベトナム語版



長 浜 市

Mục Lục

1. Giới thiệu chung về thành phố Nagahama		12. Dạy nuôi con	
(1) Giới thiệu về thành phố Nagahama	1	(1) Trường mẫu giáo	46
(2) Lịch sử của thành phố Nagahama	1	(2) Dịch vụ gởi trẻ em tại Trường mẫu giáo trong thời gian ngắn	46
2. Các loại thủ tục, chứng nhận		(3) Nhà trẻ	47
(1) Thủ tục về địa chỉ	2	(4) Trường mầm non được chứng nhận	47
(2) Thủ tục về hộ tịch	4	(5) Dịch vụ gởi em bé trong thời gian ngắn	49
(3) Đăng ký con dấu	5	(6) Việc gởi em bé trong thời gian ngắn	49
(4) Thẻ My Number (Thẻ mã số cá nhân)	6	(7) Sinh hoạt sau giờ học	50
(5) Phòng tư vấn	7	(8) Trợ cấp trẻ em	50
3. Y tế		(9) Trung tâm giúp nuôi dạy địa phương	51
(1) Cơ sở y tế	8	(10) Trung tâm hỗ trợ các gia đình	51
(2) Y tế khẩn cấp	9	(11) Trung tâm gia đình và trẻ em	51
4. Sinh hoạt		(12) Tư vấn về gia đình và nhi đồng	52
(1) Xử lý thải bỏ rác	11	(13) App để hỗ trợ nuôi dạy 'Nagasuma'	52
(2) Nước sinh hoạt	15	13. Giáo dục	
(3) Nước thải	15	(1) Trường tiểu học-Trường trung học cơ sở	53
(4) Việc nuôi Chó	16	(2) Chế độ hỗ trợ học phí	54
(5) Các dịch vụ tư vấn sinh hoạt tiêu dung	16	14. Phòng, chống thiên tai	
(6) Nhà ở do thành phố cấp	17	(1) Các loại thiên tai	
5. Các loại thuế	18	(2) Thu tập thông tin liên quan đến thiên tai	55
(1) Thuế thành phố, tỉnh (Thuế cư trú)	19	(3) 'Hệ thống phân phối thư điện tử' an toàn và bình yên	58
(2) Tiếp nhận bản khai thuế thành phố, tỉnh	19	(4) Thẻ khẩn cấp dành cho người nước ngoài	59
(3) Thuế tài sản cố định · Thuế kế hoạch thành phố	19	(5) Ứng phó trong trường hợp khẩn cấp	60
(4) Thuế xe cơ giới hạng nhẹ(Tỷ lệ theo loại xe)	19	15. Cộng đồng địa phương	
(5) Nộp thuế	19	16. Thư viện	61
(6) Giấy chứng nhận nộp thuế · Giấy chứng nhận thu nhập	21	17. Việc phát đi thông tin bằng nhiều ngôn ngữ	63
6. Bảo hiểm sức khỏe quốc dân	22	18. Toà thị chính thành phố Nagahama (Chính, chi nhánh)	64
7. Hệ thống trợ cấp quốc dân	26	★ Khác (Quầy tư vấn)	65
8. Y tế phúc lợi			
(1) Hỗ trợ chi phí y tế phúc lợi	29		
9. Y tế dành cho người hậu kỳ cao tuổi	33		
10. Bảo hiểm chăm sóc điều dưỡng	33		
11. Sức khỏe			
(1) Khi mang thai	38		
(2) Sau khi sinh on	39		
(3) Các kiểm tra sức khỏe dành cho em bé và trẻ em	40		
(4) Tiêm chủng	40		
(5) Các kiểm tra sức khỏe dành cho người lớn	43		

* Thông tin trong Cẩm nang hướng dẫn sinh hoạt này được ghi vào thời điểm là tháng 5 năm 2025. Sau thời điểm đó, có khi thông tin như chế độ, v.v, ... được thay đổi. Nếu có gì thắc mắc vui lòng liên lạc với toà thị chính thành phố hoặc các Chi nhánh.